

Đánh giá chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính các ngân hàng thương mại Việt Nam

TS. LÊ THỊ THU HÀ

tiếp theo kỳ trước

3.3. Một số yếu tố tác động từ bên ngoài đến chất lượng kiểm toán

Bên cạnh các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán từ bên trong CTKT, một số yếu tố từ bên ngoài CTKT cũng có những tác động nhất định đến chất lượng kiểm toán.

(1) Hạn chế trong kiểm soát chất lượng kiểm toán BCTC NHTM

Trong các năm 2010- 2013, VACPA đã phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán tổ chức các đoàn kiểm soát chất lượng kiểm toán tại các CTKT. Việc kiểm soát chất lượng đã hướng tới đánh giá hệ thống kiểm soát chất lượng của các CTKT và kiểm tra một số hồ sơ kiểm toán cụ thể. Tuy nhiên, các hồ sơ kiểm toán được kiểm tra mới chỉ tập trung vào các doanh nghiệp được kiểm toán trong các lĩnh vực kinh doanh thông thường như sản xuất, thương mại, dịch vụ mà chưa được thực hiện với các cuộc kiểm toán BCTC NHTM. Nguyên nhân là do NHTM là một lĩnh vực được coi là hẹp, số lượng các NHTM ít so với các doanh nghiệp khác. Hơn nữa các cuộc kiểm toán BCTC ngân hàng

đòi hỏi kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực ngân hàng mà không phải KTV nào cũng có kinh nghiệm và hiểu biết đầy đủ, trong khi số lượng cán bộ chuyên trách của hiệp hội nghề nghiệp cũng như thành viên của đoàn kiểm tra còn chưa nhiều, nên chưa bao quát được hết các lĩnh vực đặc thù này.

(2) Hạn chế trong phối hợp giữa cơ quan quản lý Nhà nước với công ty kiểm toán

Theo kết quả khảo sát và phỏng vấn tại các CTKT, trong thời gian qua đã có sự trao đổi phối hợp nhất định giữa các CTKT và cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng. Theo Thông tư 39/2011/TT-NHNN, kết quả kiểm toán bao gồm báo cáo kiểm toán và thư quản lý được báo cáo với NHNN sau khi kết thúc cuộc kiểm toán. Khi có những rủi ro hoặc các vấn đề cần chú ý trong hoạt động của các NHTM, Cơ quan Thanh tra ngân hàng có thể gửi thông báo tới các CTKT để có thể lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán một cách phù hợp. Ngược lại, những vướng mắc trong quá trình kiểm toán liên quan đến việc ghi chép, hạch toán

các nghiệp vụ cũng được KTV báo cáo với NHNN.

Tuy nhiên, sự trao đổi thông tin nhìn chung chưa được qui định một cách chặt chẽ. Trong một số trường hợp, những trao đổi giữa KTV và thanh tra ngân hàng được thực hiện mang tính chất dựa trên các quan hệ cá nhân và liên quan đến những tình huống cụ thể hơn là dựa vào những kênh liên lạc chính thức và định kỳ.

(3) Bất cập trong hệ thống chuẩn mực nghề nghiệp và các qui định pháp lý liên quan

Chuẩn mực kế toán và CMKiT là cơ sở để KTV đưa ra ý kiến kiểm toán về BCTC của đơn vị được kiểm toán. Tuy nhiên, hệ thống Chuẩn mực kế toán, CMKiT của Việt Nam hiện nay còn có những tồn tại, bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung cho hoàn thiện, cụ thể:

o Về Chuẩn mực kiểm toán:

Các CMKiT Việt Nam tuy mới ban hành cuối năm 2012 nhưng đã phần nào trở nên lỗi thời khi trong tháng 1/2015, Ủy ban CMKiT và dịch vụ đảm bảo quốc tế (IAASB) của IFAC đã ban hành các CMKiT quốc tế 700, 705, 706, 260, 570 sửa đổi và ban hành mới CMKiT 701- Thông



báo cáo vấn đề kiểm toán quan trọng trên báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên độc lập (Communication Key Audit Matters in the Independent Auditor's Report), trong đó đã đưa ra một số thay đổi quan trọng trong mẫu báo cáo kiểm toán.

Đồng thời, trong các qui định về kiểm toán BCTC NHTM ở Việt Nam hiện nay cũng có những điểm được đánh giá là chưa phù hợp với thông lệ quốc tế về kiểm toán. Cụ thể trong Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 về kiểm toán BCTC NHTM, NHNN qui định nếu báo cáo kiểm toán nêu ý kiến ngoại trừ thì NHTM phải thực hiện kiểm toán lại đối với các nội dung liên quan đến ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán. Nhìn chung qui định này không phù hợp với thông lệ quốc tế về hoạt động kiểm toán. Trong các kết quả phiếu khảo sát gửi đến các CTKT, có 71% các ý kiến cho rằng qui định này không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Theo một KTV được phỏng vấn, quy định này đôi khi gây khó khăn trong việc thống nhất kết quả kiểm toán. Có thể xuất hiện xu thế là ngân hàng tìm kiếm một đơn vị kiểm toán dễ dàng chấp nhận thỏa hiệp hơn là đơn vị kiểm toán trước đó có ý định đưa ra ý kiến ngoại trừ. Vì thế không những không làm tăng chất lượng báo cáo kiểm toán mà có thể còn làm giảm chất lượng kiểm toán.

○ Về Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán cho các NHTM: Để đảm bảo thông tin trên BCTC của các NHTM trung thực, hợp lý, bên cạnh hệ thống các quy

định khá rõ ràng và đầy đủ về chế độ kế toán và BCTC của các NHTM Việt Nam hiện nay, còn một số hạn chế:

Thứ nhất, sự khác biệt giữa các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện tại và Chuẩn mực kế toán quốc tế.

Thứ hai, một số chuẩn mực liên quan trực tiếp đến hoạt động của NHTM như công cụ tài chính, hiện tại Việt Nam mới chỉ có Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trình bày và thuyết minh, chưa ban hành các chuẩn mực kế toán gắn với việc ghi nhận, đo lường và xác định giá trị,... tương ứng với IAS 32, 39, IFRS 07, 13.

(4) *Hạn chế về tính hiệu lực trong hệ thống KSNB của NHTM*
Những điểm yếu của hệ thống KSNB của NHTM chỉ bộc lộ khi các vụ vi phạm trong lĩnh vực hoạt động của một số NHTM bị phanh phui thời gian qua... Qua phỏng vấn các chuyên gia, những điểm yếu này được nhìn nhận là do tính hiệu lực của hệ thống KSNB trong các NHTM, do đó ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên BCTC. Cụ thể tại các NHTM, hội đồng quản trị và ban điều hành chưa coi trọng tới các vấn đề sau:

- Thiết lập hệ thống kiểm soát, giám sát hữu hiệu để lập BCTC một cách trung thực và đúng đắn, trong đó là việc lựa chọn và quyết định các chính sách kế toán quan trọng, đặc biệt là các chính sách phân loại nợ, các ước tính kế toán, các khoản công nợ tiềm tàng, các giao dịch bất thường.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát, giám sát hữu hiệu để lập ghi chép

và báo cáo một cách đầy đủ các bên liên quan cũng như giao dịch với bên liên quan, ngăn ngừa và phát hiện các vi phạm về giao dịch với bên liên quan làm ảnh hưởng đến chất lượng của BCTC. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến độ tin cậy của các thông tin trên BCTC, do đó ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán.

4. Kết luận và một số đề xuất

Như vậy, dựa trên kết quả khảo sát các CTKT, phỏng vấn các chuyên gia kiểm toán và nghiên cứu các báo cáo kiểm toán, BCTC đã kiểm toán của các NHTM Việt Nam, nhìn chung các cuộc kiểm toán BCTC NHTM đã được thực hiện đạt chất lượng phù hợp với các yêu cầu của hệ thống CMKiT hiện hành. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong chất lượng báo cáo kiểm toán và BCTC đã kiểm toán, trong qui trình, thủ tục kiểm toán cũng như hạn chế trong kiểm soát chất lượng kiểm toán từ cơ quan quản lý, sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng và kiểm toán viên... Vì vậy, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán độc lập BCTC các NHTM Việt Nam, gồm:

- Hoàn thiện qui trình, thủ tục kiểm toán trên một số khía cạnh như: Hoàn thiện qui trình kiểm toán trên cơ sở đánh giá rủi ro; hoàn thiện việc xác định mức trọng yếu; hoàn thiện thủ tục phân tích; mở rộng phạm vi kiểm tra chọn mẫu và hoàn thiện kỹ thuật chọn mẫu; sử dụng kỹ thuật kiểm toán có sự trợ giúp của máy tính; tăng cường phối hợp với



kiểm toán viên nội bộ.

- Nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán: Các CTKT cần đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các CMKiT về kết cấu, nội dung, tiêu đề của các đoạn trong báo cáo kiểm toán. Loại ý kiến kiểm toán cần được phát hành phù hợp với việc liệu thông tin liên quan đã được trình bày và thuyết minh đầy đủ hay chưa.

Để nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán, các cơ quan quản lý và hiệp hội nghề nghiệp có thể xem xét điều chỉnh các yêu cầu về trình bày báo cáo kiểm toán theo

các CMKiT quốc tế mới sửa đổi.

- Hoàn thiện kiểm soát chất lượng kiểm toán: Đối với các CTKT tham gia kiểm toán ngân hàng, cần có các cuộc kiểm tra tập trung vào kiểm toán BCTC các NHTM. Thành viên đoàn kiểm tra cần có sự kết hợp với NHNN, cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng. Các báo cáo kiểm tra cần có nội dung về những vấn đề đặc trưng trong kiểm toán BCTC các ngân hàng.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng với kiểm toán viên: Cơ

quan thanh tra giám sát và KTV có trách nhiệm phát triển một mối quan hệ cởi mở, hợp tác và xây dựng, các giám sát viên và KTV cần tham gia vào các cuộc đối thoại thường xuyên, cơ quan thanh tra giám sát và CTKT có trách nhiệm chia sẻ tất cả các thông tin có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên một cách kịp thời.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên kiểm toán: Ngoài việc đào tạo thông qua công việc và tự đào tạo trong CTKT, các CTKT

xem tiếp trang 71

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Thủy (2013), Luận án tiến sĩ “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán BCTC các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”, Đại học Kinh tế quốc dân
2. Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam VACPA, Báo cáo tổng kết hoạt động các năm 2007- 2012, Báo cáo kiểm soát chất lượng các năm 2007- 2012
3. Bank of England (2013), *The relationship between the external auditor and the supervisor: A code of practice*, www.bankofengland.co.uk
4. Basel Committee on Banking Supervision (2013), *External Audits of Banks*, www.bis.org
5. FRC (2008), *The audit quality framework*, www.frc.org.uk
6. IAASB (2012), *Improving the auditor's report*, www.iaasb.org
7. ICAEW (2010), *Audit of Banks: Lesson from Crisis*, www.icaew.com
8. L.E DeAngelo (1981), “Auditor Size and Audit Quality”, *Journal of Accounting and Economics*. 3, tr. 183-199.

SUMMARY

Assessment of the quality of the audits of Vietnamese commercial banks' financial statements

The aim of the research is to assess the quality of the audits of Vietnamese commercial banks' financial statements in recent years. Two audit quality indicators are used in the assessment: firstly, the quality of the audit reports and the audited financial statements; and secondly, the quality of the factors affecting audit quality such as audit methodology and procedures, auditors' independence, experience and industry-expertise, audit quality control procedures... The result of the research indicates that the audits of Vietnamese commercial banks' financial statements have basically met the quality required by the current auditing standards. However, there are still some shortcomings in audit methodology and procedures, audit reports and audited financial statements, as well as in environment factors such as audit quality control, communication between banking supervisors and auditors and the current Vietnamese accounting and auditing standards. The author also suggests some measures to the audit firms and government bodies to improve the audit quality.

Key word: audit quality, audit of banks.

Ha Thi Thu Le, PhD.

Working Organization: The faculty of accounting and auditing, Banking Academy.

Field of study: Banking of Monetary, Public Debt.

Magazines have published articles: Journal of Economic research; Banking magazine.

Email: huyvq@scb.com.vn

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Lê Thị Thu Hà, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Khoa Kế toán- Kiểm toán, Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán- kiểm toán

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Kế toán- Kiểm toán

Email: lethithuha@gmail.com



9. Cronqvist, H., F. Heyman, M. Nilsson, H. Svaleryd, and J. Vlachos, 2009, *Do entrenched managers pay their workers more?* *Journal of Finance*, LXIV(1), 1-32.
10. Grossman, SJ & Hart, OD 1982, 'Corporate financial structure and managerial incentives', in *The economics of information and uncertainty*, University of Chicago Press.
11. Hovakimian, A., Li, G., 2011. *Large Sample Evidence on Capital Structure and Employee Wages*. Working Paper, Baruch College
12. Jensen, MC & Meckling, WH 1976, 'Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure', *Journal of Financial Economics*, vol. 3, no. 4, pp. 305-360.
13. Jensen, MC 1986, 'Agency costs of free cash flow, corporate finance and takeovers', *American Economic Review*, vol. 76, no. 2, pp. 323-330.
14. Maksimovic, V., Titman, S., 1991. *Financial policy and reputation for product quality*. *Rev. Finan. Stud.* 4, 175-200.
15. Michelacci, C., Quadriini, V., 2009. *Financial markets and wages*. *Rev. Econ. Stud.* 76, 795-827.
16. Myers, S 1977, 'Determinants of corporate borrowing', *Journal of Financial Economics*, vol. 5, no. 2, pp. 147-175.
17. Ofek, E., 1993, *Capital structure and firm response to poor performance: An empirical analysis*. *Journal of financial economics*, 34(1), 3-30.
18. Pandey, IM 2001, *Capital structure and the firm characteristics: Evidence from an emerging market*, Working paper, Indian Institute of Management Ahmedabad, Research and Publication Department.
19. Titman, S., 1984. *The effect of capital structure on a firm's liquidation decision*. *J. Finan. Econ.* 13, 1-19.

SUMMARY

The effect of financial leverage on labor cost in Southeast Asian Countries

The study investigates the impact of financial leverage on labor cost in Southeast Asian firms in the period from 2009 to 2015. Various approaches including pooled ordinary least square (OLS), random effect (RE), fixed effect (FE) and system GMM regressions are applied to analyze data. The research findings indicate that there is a negative relation between financial leverage and labor cost. This result supports agency theory as well as financial distress predictions.

Key words: Financial leverage, labor cost, Southeast Asian countries.

Vy Thi Phuong Le, PhD.

Nguyet Thi Bich Phan, Assoc. Prof. PhD.

Working Organization: University of Economics Hochiminh city.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Lê Thị Phương Vy, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính, đầu tư

Email: phuongvyqt@ueh.edu.vn

Phan Thị Bích Nguyệt, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính, đầu tư

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp Chí Phát Triển Kinh Tế, Australian Economic papers (ISI, Scopus Q2, B); Corporate ownership and control (Scopus Q3, B); IUP Journal of Corporate Governance

Email: nguyetcdn@ueh.edu.vn

tiếp theo trang 62

Bộ chỉ số không chỉ có ý nghĩa đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, mà còn cung cấp thông tin rất hữu ích cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Các nhà đầu tư có thể dùng bộ chỉ số như một hệ thống thông tin tham khảo hữu ích và tin cậy trong việc đưa ra quyết định đầu tư.

Bộ chỉ số sẽ càng có giá trị hơn nữa nếu được xây dựng bởi một hệ thống phần mềm đáp ứng việc cung cấp dữ liệu chỉ số real-time kịp thời và lưu trữ dữ liệu quá khứ, tạo thành hệ thống cơ sở dữ liệu quan trọng trong quản lý tài chính, ra quyết định đầu tư, tương tự như các chỉ số chứng khoán đang được

áp dụng rộng rãi trên hai sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. ■

tiếp theo trang 57

nên phối hợp với Hội KTV hành nghề VACPA và các trường đại học để cung cấp cho các trợ lý kiểm toán và KTV kiến thức chuyên sâu về hoạt động ngân hàng. Các CTKT nên có qui định thời gian đào tạo tối thiểu về hoạt động ngân hàng và kiểm toán ngân hàng mà các KTV và trợ lý kiểm toán phải thực hiện hàng năm để có thể tham gia các cuộc kiểm toán. Các CTKT cũng cần chú trọng đến tỷ lệ Partner/KTV/trợ lý cũng vì đây là yếu tố ảnh hưởng chất lượng hoạt động và quy mô CTKT. ■